TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 592/2024/DS-PT
Ngày: 25 - 11 -2024
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Dũng

*Các Thẩm phán:*Bà Nguyễn Thị Rẻn

Ông Nguyễn Hữu Lương

Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Vũ Duy Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Phạm Công Có - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 356/2024/TLPT- DS ngày 11 tháng 10 năm 2024 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 113/2024/DS-ST ngày 23 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 4156 /2024/QĐ-PT ngày 24 tháng 10 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1950.

Địa chỉ: Ấp M, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị Ngọc D, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre.

3. Người kháng cáo: Bị đơn bà Phạm Thị Ngọc D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, cùng các văn bản, tài liệu chứng cứ khác, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn là bà Nguyễn Thị B trình bày:

Do có quen biết với nhau nên bà có cho bà Phạm Thị Ngọc D (giáo viên trường THCS P) vay tiền và vay vàng nhiều lần, cụ thể như sau: Ngày 19/6/2016, bà cho bà D vay 10 chỉ vàng 24K và số tiền 25.000.000 đồng, hai bên có thỏa thuận thời gian vay là 03 tháng.

Ngày 19/01/20217 (âm lịch) bà cho bà D vay số tiền 30.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 tháng, vay không có thỏa thuận lãi suất.

Ngày 27/5/2017 (âm lịch), bà cho bà D vay 02 chỉ vàng 24K, thời hạn vay là 03 tháng, vay không có thỏa thuận lãi suất.

Tổng cộng bà cho bà D vay số tiền là 55.000.000 đồng và 12 chỉ vàng 24K. Khi vay tiền và vàng thì bà D có viết giấy tay và ký xác nhận. Tuy nhiên, hiện nay đã quá thời hạn trả tiền, trả vàng nhưng bà D chưa trả tiền vốn vay và vàng lại cho bà mặc dù bà có nhiều lần đến nhà yêu cầu trả tiền nhưng bà D cứ hứa hẹn đến nay vẫn không thực hiện.

Trước đây, bà có đến trường THCS P, các thầy cô tại trường có hòa giải và bà yêu cầu bà D trả tiền và vàng cho bà, nếu bà D đồng ý trả số vàng và tiền nêu trên cho bà trong 01 lần thì bà đồng ý giảm ½ nợ cho bà D nhưng bà D không đồng ý và đến hiện tại vẫn chưa trả cho bà nên hiện tại bà không đồng ý giảm ½ nợ cho bà D như lời bà trình bày trước đây nữa.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, vào đầu tháng 7/2024, bà D có đến nhà trả cho bà số tiền 500.000 đồng và xin bà rút lại đơn khởi kiện, số tiền 500.000 đồng này được trừ vào số tiền gốc.

Do đó, bà Nguyễn Thị B yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Phạm Thị Ngọc D có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị B số tiền gốc còn lại là 54.500.000 đồng và 12 chỉ vàng 24K. Giá vàng 24k khi bà B khởi kiện khoảng 7.470.000 đồng/chỉ. Bà B yêu cầu tính giá trị vàng theo giá này để làm cơ sở tính án phí, theo đó tổng giá trị tiền và vàng tính tròn là 144.000.000 đồng, bà B không yêu cầu tính lãi.

Tại bản khai, biên bản hoà giải, bị đơn là bà Phạm Thị Ngọc D trình bày:

Bà xác nhận trước đây có nhiều lần vay tiền và vay vàng của bà B tổng cộng là 55.000.000 đồng và 12 chỉ vàng 24K theo 03 lần như bà B trình bày, 03 giấy nợ bà B giao nộp cho Tòa án đều là do bà viết và ký tên xác nhận vào đó. Tuy nhiên, bà cho rằng đã trả cho bà B số tiền 25.000.000 đồng và 12 chỉ vàng 24K, cụ thể như sau:

Đối với tờ xác nhận nợ ngày 19/6/2016, bà có mượn 01 bộ vòng xi men của cháu dâu để ra tiệm vàng đổi thành vàng 24K, sau đó bà trực tiếp đến nhà bà B để trả 10 chỉ vàng 24K vào khoảng năm 2017. Sau đó khoảng 10 ngày, bà hốt hụi và trực tiếp đem tiền đến trả cho bà B số tiền 25.000.000 đồng. Khi trả tiền và vàng cho bà B hai bên không ghi giấy tờ gì, cũng không ai trực tiếp chứng kiến.

Đối với tờ xác nhận nợ ngày 27/5/2017, bà xác nhận có mượn của bà B 02 chỉ vàng 24K nhưng trong năm 2017 bà đã hốt hụi và trả vàng cho bà B rồi, lần này khi trả vàng cho bà B hai bên không ghi giấy tờ gì, cũng không ai trực tiếp chứng kiến.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà B thì bà không đồng ý vì bà cho rằng hiện nay bà chỉ còn nợ bà B số tiền 30.000.000 đồng, bà chỉ đồng ý trả cho bà B số tiền 30.000.000 đồng và xin bà B cho bà được trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết nợ vì trước đây bà bị bệnh phải điều trị nhiều năm và bà đã ly hôn với chồng nên hiện tại bà phải nuôi hai con ăn học nên không đủ khả năng trả hết nợ cho bà B một lần, đồng thời số vàng và tiền nêu trên trước đây bà vay của bà B là để cho bà M vay lấy lời nhưng sau đó bà M đã giựt nợ của bà và bỏ đi nên hoàn cảnh hiện tại của bà rất khó khăn.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 113/2024/DS-ST ngày 23 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm đã căn cứ:

Các Điều 280, 463, 466, 468 và Điều 469 Bộ luật Dân sự;

Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 147 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị B.

Buộc bà Phạm Thị Ngọc D có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị B số tiền 54.500.000 đồng (Năm mươi bốn triệu, năm trăm nghìn) đồng và 12 (mười hai) chỉ vàng 24K.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 09/9/2024 Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm nhận được đơn kháng cáo của bà Phạm Thị Ngọc D đề ngày 08/9/2024, nội dung kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 113/2024/DS-ST ngày 23 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét trừ đi khoản tiền, vàng bà D đã trả cho bà B.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn trình bày: Không đồng ý với nội dụng Bản án dân sự sơ thẩm số 113/2024/DS-ST ngày 23 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm. Đề nghị trừ đi số tiền đã trả cho nguyên đơn, chỉ đồng ý trả số tiền còn nợ là 30.000.000 đồng.

Bị đơn trình bày có 03 người làm chứng về việc đã trả tiền và vàng còn nợ cho nguyên đơn:

- Bà N là cháu dâu của bà D: đã đưa bộ vòng xi men cắt trước mặt bà B và bù thêm tiền đem đổi thành 10 chỉ vàng tại tiệm V để trả cho bà B (giá trị bộ vòng xi men là 5,5 chỉ).

- Bà Trần Thị Ngọc M: Giao tiền hụi để trả cho bà B 55.000.000 đồng.

- Bà Nguyễn Thị N1: Làm chứng những lần bị đơn trả tiền cho nguyên đơn số tiền tổng cộng là 700.000 đồng có ký tên.

Nguyên đơn không đồng ý với kháng cáo của bị đơn.

Các đương sự không thoả thuận được với nhau về nội dung giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa phát ý kiến như sau:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Toà án áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Thị Ngọc D.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 113/2024/DS-ST ngày 23 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên, xét kháng cáo của bà Phạm Thị Ngọc D; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả số tiền nợ là 54.500.000 đồng và 12 chỉ vàng 24K, không yêu cầu tính lãi. Bị đơn thống nhất với khoản tiền vay và số lần vay như nguyên đơn trình bày.

Xét thấy, các lần vay tiền giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị B với bị đơn bà Phạm Thị Ngọc D được thực hiện trên cơ sở tự nguyện, có lập thành văn bản có chữ ký xác nhận số tiền vay của bà D. Đồng thời, trong quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm, bà D thừa nhận số tiền vay và các lần vay đúng như trình bày của bà B. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sự thừa nhận của bà D đối với số tiền nợ vay theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là những tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh.

[2] Bị đơn cho rằng hiện nay bị đơn chỉ còn nợ nguyên đơn số tiền 30.000.000 đồng và xin được trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết nợ. Nguyên đơn không đồng ý với yêu cầu của bị đơn.

Bà D kháng cáo yêu cầu trừ đi các khoản tiền, vàng mà bà D đã trả cho bà B. Cụ thể bị đơn trình bày chứng cứ là bà N cho mượn vàng để trả cho nguyên đơn, hốt hụi của bà M trả cho nguyên đơn và mượn của bà N1 số tiền 500.000 đồng để trả cho bà B. Tổng cộng số vàng và tiền trả cho bà B là 10 chỉ vàng và 55.500.000 đồng. Tuy nhiên, bà B chỉ thừa nhận đã nhận số tiền 500.000 đồng từ bà D có ký nhận và bà D cũng không có chứng cứ chứng minh cho việc đã trả vàng và tiền cho bà B nên không có căn cứ để chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị B là có căn cứ. Kháng cáo của bị đơn bà Phạm Thị Ngọc D là không có cơ sở nên không được chấp nhận.

[3] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Phạm Thị Ngọc D phải chịu án phí phải theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Phạm Thị Ngọc D về việc yêu cầu trừ đi số tiền, vàng đã trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị B.

Căn cứ các Điều 280, 463, 466, 468 và Điều 469 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 147 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị B.

Buộc bà Phạm Thị Ngọc D có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị B số tiền 54.500.000 đồng (năm mươi bốn triệu, năm trăm nghìn đồng) và 12 chỉ vàng 24K (mười hai chỉ vàng 24K).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền nêu trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí:

Về án phí sơ thẩm: Bà Phạm Thị Ngọc D phải chịu án phí với số tiền là 7.200.000 đồng (bảy triệu hai trăm nghìn đồng).

Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phạm Thị Ngọc D phải chịu án phí với số tiền là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001716 ngày 09/9/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND huyện Giồng Trôm;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Ngọc Dũng